TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST. Ngày 23-8-2018 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Nguyễn Thị Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp HB, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Biện Thái D, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp AL, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018 và bản tự khai ngày 20-6-2018- nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Biện Thái D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở nhà chị tại ấp HB, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị làm nghề mua bán phiếu liệu, còn anh D làm thợ hồ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì vào năm 2004 phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên rượu chè, có thái độ thô lỗ, cọc cằn với vợ con. Sống chung với gia đình chị nhưng không có thái độ tôn trọng gia đình vợ. Do đó, chị yêu cầu anh ra khỏi nhà về nhà cha mẹ ruột của anh D sống. Vợ chồng sống ly thân 10 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Biện Văn Th, sinh ngày 26-12-2003, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Biện Thái D trình bày:

Anh xác nhận anh và chị T chung sống năm 2002, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng cãi vã nhau thì mẹ vợ đuổi anh ra khỏi nhà. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi, không đồng ý cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 và Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Biện Văn Th. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến tự sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung tên Biện Văn Th, sinh ngày 26-12-2003, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, anh D đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi. Ngoài ra, qua hỏi ý kiến của cháu T thì cháu có nguyện vọng theo sống với chị T. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Biện Thái D.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Biện Thái D.

2. Về con chung: Giao cháu Biện Văn Th, sinh ngày 26-12-2003 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Biện Thái D không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Anh Biện Thái D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016169 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã An Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm